



**THUYẾT MINH SO SÁNH MỘT SỐ ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

**Điều lệ sửa đổi, bổ sung được xây dựng trên cơ sở Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2024 với các nội dung phù hợp pháp luật, trong đó:**

- Điều chỉnh bố cục đúng theo Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

- Điều chỉnh câu, từ của một số điều, khoản, điểm... phù hợp theo luật hiện hành nhưng không làm thay đổi nội dung, bản chất, ngữ nghĩa... *(phần này không có thuyết minh chi tiết vì nó là cơ bản và rõ ràng, đề nghị Quý cổ đông xem trực tiếp bản dự thảo)*

- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm... hiện chưa có hoặc không còn phù hợp với luật hiện hành. Nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đảm bảo mang tính khách quan, tổng quát, hài hòa quyền và lợi ích của tất cả cổ đông trên cơ sở quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành... *(phần này được lập bảng thành từng mục so sánh để Quý cổ đông nghiên cứu và có ý kiến biểu quyết...)*


Sau khi thống nhất sẽ chính thức ban hành điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ bản dự thảo đính kèm...

STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
1	Khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Định nghĩa	
	a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần <b>và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</b>	3. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty.	Điều 6 quy định cụ thể hơn về Vốn điều lệ (giá trị, cách chia, ...)
	đ) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng <b>và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</b>	12. Người điều hành công ty là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng <b>và người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.</b>	Diễn đạt ngắn gọn và dễ hiểu hơn
	e) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc <b>do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</b>	11. Người quản lý công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <b>Phó Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch của công ty.</b>	Diễn đạt ngắn gọn và đầy đủ



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	g) Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	14. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp sau đây: a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty; d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên; đ) Vợ, chồng, bố dẻ, mẹ dẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con dẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này; g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty; h) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.	Trích dẫn quy định ngắn gọn, việc này thuận lợi về sau nếu Khoản 46 Điều 4 LCK được sửa đổi thì không cần sửa đổi lại Điều lệ
	l) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;	6. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.	Hiện nay chưa xác định được như thế nào là "sở hữu gián tiếp"
	d) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu; m) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên; n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này; o) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con. p) VSDC là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. q) Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc r) Bí mật thương mại, bí mật kinh doanh là các thông tin về kế hoạch kinh doanh chi tiết theo từng mặt hàng và từng khách hàng; hồ sơ, thông tin chi tiết về danh sách khách hàng và nhà cung cấp; các thông tin mà Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã có cam kết bảo mật thông tin với khách hàng; lượng hàng hóa dự trữ, giá thành và lợi nhuận; quy trình sản xuất; các giải pháp công nghệ thông tin; các thông tin về các hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm; phần mềm quản lý, kinh doanh và các nội dung khác do Hội đồng quản trị quyết định;	Không có	Các thuật ngữ này được sử dụng trong Điều lệ nên cần định nghĩa cụ thể và rõ ràng



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:.... <b>Không có</b></p>	<p>Điều 2. Tên, trụ sở, điện thoại, fax, email, website, biểu tượng, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của công ty</p> <p>2. Trụ sở, điện thoại, fax, email, website, biểu tượng (logo):....</p> <p>- <b>Biểu tượng (Logo):</b></p> 	<p>Điều lệ không bắt buộc có quy định về logo công ty, STW cần nhắc về trường hợp thay đổi logo thì cần được ĐHĐCĐ thông qua và sửa đổi Điều lệ</p>
	<p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.</p>	<p>3. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty: Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập, giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty.</p> <p>4. Thời hạn hoạt động: Không xác định thời hạn.</p>	<p>Diễn đạt rõ ràng và bao hàm đầy đủ các trường hợp</p>
3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. <b>Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các Quy định phân quyền, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty...</b></p> <p>2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty</p> <p>4. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty;</p> <p>b) Tổng Giám đốc công ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty</p> <p>a) Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;</li> <li>- Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện theo pháp luật và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.</li> </ul> <p>b) Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm a Khoản này.</p>	<p>Trích dẫn quy định ngắn gọn, thuận tiện về sau nếu Điều 13 LDN quy định về Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được sửa đổi thì không cần sửa đổi lại Điều lệ</p>
	<p>3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.</p> <p>5. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy</p>	<p>2. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 12 LDN quy định về Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.		
4	<b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</b> Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
5	<b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b> 1. Vốn điều lệ của Công ty là 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.863.133 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	<b>Điều 6. Vốn điều lệ</b> 1. Vốn điều lệ của công ty là: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng Việt Nam) - Tổng số cổ phần: 15.863.133 cổ phần - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần - Loại cổ phần: + Cổ phần phổ thông: 15.863.133 cổ phần + Cổ phần ưu đãi: Không có - Số cổ phần, loại cổ phần đã bán: + Cổ phần phổ thông: 15.863.133 cổ phần + Cổ phần ưu đãi: Không có - Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán: Không có	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này. 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. ... 6. Chào bán cổ phần Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây : a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu. b) Chào bán ra công chúng. c) Chào bán cổ phần riêng lẻ. d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>		
6	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày VSDC thông báo đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định). Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.</p> <p>5. Trường hợp Công ty hủy đăng ký chứng khoán tại VSDC, Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký chứng khoán theo thông báo của VSDC.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC <sup>1</sup> - Bổ sung cơ sở thực hiện cho việc cấp chứng nhận cổ phiếu đối với các TH (đã lưu ký, bị mất, STW hủy ĐKCK tại VSDC)
7	<p><b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
8	<p><b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
9	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
10	<p><b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b></p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị;</li> <li>3. Ban kiểm soát;</li> <li>4. Tổng Giám đốc.</li> </ol>	<p><b>Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty</b></p> <p>Bộ máy quản trị, điều hành công ty được tổ chức theo mô hình sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>2. Hội đồng quản trị;</li> <li>3. Ban kiểm soát;</li> <li>4. Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng);</li> <li>5. Các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ;</li> <li>6. Các đơn vị trực thuộc.</li> </ol>	Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 LDN quy định về Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần
11	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. <b>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</b></p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. <b>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</b></p>	<p><b>Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <p>d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; <b>(không có)</b></p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; <b>(không có)</b></p>	Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sẽ có Phụ lục quy định cụ thể về quy trình cung cấp thông tin để STW có cơ sở thực hiện



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	i) Được đối xử bình đẳng. <b>Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</b>	h) Được đối xử bình đẳng; <b>(không có)</b>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: (bỏ)	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm %) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây: a) Đề cử người vào <b>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty;</b>	Khoản 2 Điều 115 LDN quy định Quyền của cổ đông phổ thông đối với trường hợp TLSH từ 05% trở lên. - SL TV HĐQT hiện tại đang là 05, 02 nhóm cổ đông lớn được quyền đề cử tối đa 03 người/nhóm ( <b>đã đủ bầu</b> ) - STW không có cổ đông nào sở hữu $5\% < \text{TLSH} < 10\%$ -> Đề xuất quyền đề cử HĐQT, BKS áp dụng TLSH 10% trở lên
	a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. <b>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</b>	b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; <b>(không có)</b>	Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sẽ có Phụ lục quy định cụ thể về quy trình cung cấp thông tin để STW có cơ sở thực hiện
	b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</b>	c) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại <b>khoản 3 Điều này;</b>	Điều 140 LDN cũng quy định cụ thể về TH cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ
	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	Không có	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 142 LDN quy định về Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	Áp dụng TLSH theo khoản 2 Điều lệ là 05%	Áp dụng Khoản 5 Điều 115 LDN, Quyền đề cử HĐQT, BKS sẽ áp dụng cho cổ đông nắm giữ TLSH từ 10% trở lên.
	Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử <b>theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này.</b>	Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	Điều 25, 37 quy định cụ thể hơn về TH SL đề cử < SL cần bầu
12	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b>	
	3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và <b>Quy chế nội bộ của Công ty do ĐHĐCĐ thông qua.</b>	3. Tuân thủ Điều lệ và <b>Quy chế quản lý nội bộ của công ty.</b>	Cổ đông là những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu STW, không bắt buộc là người lao động nên không cần tuân thủ quy định quản lý của STW



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	<p>8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiễn hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) <b>Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</b></p>	<p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiễn hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
13	<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, <b>phải đảm bảo cho đa số cổ đông tham dự được một cách thuận tiện, tiết kiệm (Văn phòng trụ sở chính hoặc chi nhánh, địa điểm kinh doanh của Công ty, địa điểm thuê khác tại địa phận Công ty đóng).</b></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, (không có)</p>	Bổ sung nhằm đảm bảo cho đa số cổ đông đều có thể tham dự đại hội một cách thuận tiện, tiết kiệm
	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Khoản 4 Điều 273 ND155/2020/ND-CP quy định về Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; <b>yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc</b></p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này; <b>(không có)</b></p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p><b>hợp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</b></p> <p>b) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị <b>phải xác định ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông</b> trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>...</p> <p><b>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	<p>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị <b>phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>...</p> <p><b>7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>- Thuật ngữ "triệu tập" có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau: "ngày ra TB mời họp" hoặc "ngày tổ chức cuộc họp"</p> <p>=&gt; Quy định rõ "triệu tập" là "ngày gửi TB mời họp/xác định ngày họp" có thể giúp Công ty có cơ sở thực hiện tránh các tranh chấp, khiếu nại về việc không triệu tập ĐHĐCĐ đúng thời hạn</p> <p>- Trách nhiệm của người triệu tập được quy định tại Khoản 2 Điều 18</p> <p>- Điều xuất chính 60 ngày (theo điều a, khoản 4 Điều 160 LDN) -&gt; Để UBND thành phố có thời gian đề cử nhân sự mới</p>
14	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và <b>chỉ định người thanh lý;</b></p> <p>...</p> <p>l) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; <b>quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</b></p> <p>...</p> <p>o) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p><b>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty (<b>không có</b>);</p> <p>...</p> <p>l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán <b>độc lập; quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính;</b></p>	<p>Khoản 2 Điều 208 LDN: "Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, <b>Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp</b>, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng;"</p> <p>Diễn đạt rõ ràng và đầy đủ các quy chế cần được ĐHĐCĐ thông qua</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 107 NĐ155/2020/NĐ-CP: "Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận." để phù hợp với CTĐC</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 199, 200, 201 LDN quy định về Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Công</p>

29  
T  
Y  
A  
N  
Ư  
C  
P. C



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm <b>đã được kiểm toán</b>;</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề:</p> <p>...</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm <b>(không có)</b>;</p> <p>Không có</p>	<p>ty và Điều 293 ND155/2020/ND-CP quy định về Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
15	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, <b>theo quy định cụ thể sau:</b></p> <p>a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền tham dự họp. Cổ đông đã ủy quyền này sẽ không được tham dự đại hội ngay cả trong trường hợp ủy quyền một phần cho người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>b) Đối với cổ đông là tổ chức sẽ thực hiện ủy quyền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự tham họp;</li> <li>Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa hai (02) người tham dự họp;</li> <li>Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 45% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người tham dự họp;</li> <li>Cổ đông nắm giữ từ 45% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa bốn (04) người tham dự họp.</li> </ul> <p>Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần và số phiếu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền, <b>phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được ưu tiên theo thứ tự a, b, c cho tên người đại diện theo ủy quyền.</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản (bộ). Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số cổ đông; số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p>	<p><b>Điều 27. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông</b></p> <p>2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần của công ty được ủy quyền tối đa cho 01 người đại diện.</p> <p>b) Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần của công ty có thể ủy quyền tối đa cho 02 người đại diện.</p> <p>c) Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 45% tổng số cổ phần của công ty trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện.</p> <p>d) Cổ đông sở hữu từ 45% tổng số cổ phần của công ty trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 04 người đại diện.</p> <p>3. Trường hợp cổ đông cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, <b>phải thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày công ty nhận được thông báo.</b> Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số cổ đông; số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p>	<p>- Chỉ cho phép cổ đông là cá nhân ủy quyền cho 01 người</p> <p>- Bổ sung phương án xử lý cụ thể cho trường hợp có nhiều người ủy quyền và phát sinh cổ phiếu lẻ</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

S.M.P.S

C.T.C.P. THI



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>b) Số lượng cổ phần ủy quyền và tỷ lệ cổ phần ủy quyền tương ứng với mỗi người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của người đại diện theo ủy quyền là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức;</p> <p>d) Nội dung và phạm vi ủy quyền;</p> <p>đ) Thời hạn ủy quyền tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền (bỏ);</p> <p>e) Chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cổ đông ủy quyền ban đầu. Văn bản này sẽ được người nhận ủy quyền lại xuất trình khi tham dự họp cùng với văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người nhận ủy quyền lại không được ủy quyền cho người khác.</p>	<p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;</p> <p>đ) Họ, tên, chữ ký của cổ đông/người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.</p>	
	<p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cổ đông ủy quyền ban đầu. Văn bản này sẽ được người nhận ủy quyền lại xuất trình khi tham dự họp cùng với văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người nhận ủy quyền lại không được ủy quyền cho người khác.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
16	<b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b>	Không có	
	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
17	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</b> (bổ)</p>	<p><b>Điều 31. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. <b>(không có)</b></p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>- Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT96/2020/TT-BTC quy định Nghĩa vụ CBTT bắt buộc</p> <p>- DSCD do VSDC cung cấp theo mẫu nên Điều lệ không cần quy định về các yêu cầu đối với DSCD</p> <p>- Quyền được kiểm tra, trích lục thông tin cổ đông trong DSCD được quy định tại Khoản 1 Điều 45</p>
18	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, <b>đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty đăng ký giao dịch.</b></p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p><b>Điều 33. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; <b>đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.</b></p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) <b>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</b></p> <p>b) <b>Phiếu biểu quyết;</b></p> <p>c) <b>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</b></p> <p>4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p>	<p>Nghĩa vụ CBTT về thư mời và TL ĐHĐCĐ được thực hiện trên website và HNX</p> <p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC do phải có DS ứng viên và SYLL để cổ đông xem xét trước khi bầu cử tại ĐHĐCĐ</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
19	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <b>năm (05) ngày làm việc</b> trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p><b>Điều 32. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất <b>03 (ba) ngày làm việc</b> trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>- Căn 03 ngày làm việc để gửi thư mời họp HĐQT + 02 ngày xem xét và phản hồi</p> <p>- Bổ sung thông tin cụ thể của cổ đông để xác định danh tính</p>
	<p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p><b>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</b></p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này; <b>(không có)</b></p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Đây là điều kiện tối thiểu để cổ đông/nhóm cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề bổ sung vào chương trình ĐHĐCĐ</p>
20	<b>Không có</b>	<p><b>Điều 34. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>Khoản 6 Điều 13 quy định cụ thể về các hình thức tham dự ĐHĐCĐ và Điều 16 quy định cụ thể về các trường hợp ủy quyền</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
21	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <b>thông báo mời họp</b> lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <b>thông báo mời họp</b> lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. (bỏ)</p>	<p><b>Điều 35. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ 01 (một) không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được <b>triệu tập</b> họp lần thứ 02 (hai) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 01 (một). Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 02 (hai) được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 02 (hai) không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được <b>triệu tập</b> họp lần thứ 03 (ba) trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 02 (hai). Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này.</p>	<p>- Thuật ngữ "triệu tập" có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau: "ngày ra TB mời họp" hoặc "ngày tổ chức cuộc họp"</p> <p>=&gt; Quy định rõ "triệu tập" là "ngày gửi TB mời họp/xác định ngày họp" có thể giúp Công ty có cơ sở thực hiện tránh các tranh chấp, khiếu nại về việc không triệu tập ĐHĐCĐ đúng thời hạn</p> <p>- Khoản 3 Điều 20 quy định về thẩm quyền quyết định và thông qua chương trình ĐHĐCĐ</p>
22	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, <b>Ban kiểm tra tư cách đại biểu</b> và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số</p>	<p><b>Điều 36. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông; <b>(không có)</b></p> <p>2. Việc bầu Chủ tọa, <b>(không có)</b> Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để quy định chi tiết về việc đăng ký tham dự, bổ sung trường hợp cổ đông đến sau giờ khai mạc ĐHĐCĐ</p> <p>Bổ sung quy định cụ thể đối với Ban kiểm tra tư cách đại biểu để STW có cơ sở thực hiện cho những ĐHĐCĐ tiếp theo</p>

11/01/2021  
 ANT



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; <b>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc một số người làm Ban kiểm tra tư cách đại biểu phục vụ cuộc họp;</b></p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp; <b>(không có)</b></p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;</p>	
	<p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) <b>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>b) <b>Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</b></p> <p>c) <b>Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</b></p>	4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để quy định chi tiết về nghĩa vụ của Chủ tọa để STW có cơ sở thực hiện cho những ĐHĐCĐ tiếp theo
	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Không có	Bổ sung hình thức tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến để STW có cơ sở thực hiện cho những ĐHĐCĐ tiếp theo và thống nhất với Quy chế nội bộ về Quản trị công ty => Tránh bị xử phạt
23	Không có	<b>Điều 37. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 6 Điều 13 quy định tương tự về các hình thức tham dự ĐHĐCĐ
24	<b>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b> Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.	<b>Điều 38. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b> Không có	Bổ sung về phương thức bầu cử đơn giản hơn trong trường hợp SL ứng viên < SL cần bầu
	7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Không có	Bổ sung theo Điều lệ mẫu của Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 2 Điều 152 LDN quy định về Hiệu lực của Nghị quyết ĐHĐCĐ



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
25	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau: a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ này; b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; c) Định hướng phát triển công ty; d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; h) Tổ chức lại, giải thể công ty; i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; k) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; l) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty	Quy định cụ thể hơn để STW có cơ sở thực hiện
	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; e) <b>Phương án bầu cử (nếu có);</b> g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến cổ đông.	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; <b>(không có)</b> đ) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến cổ đông.	Do Điều lệ STW cho phép lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT và BKS nên cần bổ sung mục này vào phiếu lấy ý kiến để STW có cơ sở thực hiện
	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử <b>theo thông tin đã đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam</b> theo quy định sau đây:	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:	Khi thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, STW cần dựa vào DSCĐ do VSDC cấp nên thông tin gửi phiếu lấy ý kiến của cổ đông cần trùng khớp với thông tin được đăng ký trên VSDC để STW có cơ sở ghi nhận



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/<b>bầu cử</b> đã tham gia biểu quyết/<b>bầu cử</b>, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/<b>bầu cử</b> hợp lệ và số biểu quyết/<b>bầu cử</b> không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/<b>bầu cử</b>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/<b>bầu cử</b>;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, <b>tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có)</b>;</p> <p>e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, (bộ) người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề (<b>không có</b>);</p> <p>e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <b>người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</b></p>	<p>- Do Điều lệ STW cho phép lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT và BKS nên cần bổ sung mục này bên cạnh phiếu biểu quyết</p> <p>- Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 149 LDN quy định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>
	<p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <b>Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</b></p>	<p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <b>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</b></p>	<p>Bổ sung thời hạn công bố cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 TT96/2020/TT-BTC quy định về Nghĩa vụ CBTT bắt thường</p>
26	<p><b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>h) <b>Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);</b></p> <p>i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>k) <b>Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</b></p> <p>4. <b>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</b></p> <p><b>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</b></p>	<p><b>Điều 40. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm có các nội dung chủ yếu sau đây:...(b) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. (<b>không có</b>)</p> <p>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 150 LDN quy định về Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC do cần lưu trữ các VB ủy quyền khi cần kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và cần tuân thủ nghĩa vụ CBTT về BB NQ ĐHCĐ trên thị trường chứng khoán</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
27	<b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	<b>Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> Không có	Bổ sung cho phù hợp với quy định Khoản 3 Điều 152 LDN về Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
28	<b>Không có</b>	<b>Điều 42. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Điều 21, 23 và 24 đã quy định cụ thể về tính hiệu lực của NQ ĐHĐCĐ
29	<b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b> 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có). Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	<b>Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b> Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 1 Điều 274 ND155/2020/ND-CP quy định về Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị







STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>năm (05) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.</p> <p>+ Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu trước năm (05) ngày công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị sẽ không tiếp nhận đề nghị đề cử ứng cử viên, và sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất (nếu có).</p>		
	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, <b>Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p>3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, <b>Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</b></p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 2 Điều 274 ND155/2020/ND-CP quy định về Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>
	<p>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	Không có	<p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 3 Điều 274 ND155/2020/ND-CP quy định về Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>
30	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;</p>	<p><b>Điều 45. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Không có</p>	<p>Cập nhật cho phù hợp với quy định tại Khoản 79 Điều 1 ND245/2025/ND-CP (sửa đổi Khoản 2 Điều 276 ND155/2020/ND-CP quy định về Thành phần Hội đồng quản trị)</p>
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p>	<p>Cập nhật cho phù hợp với quy định tại Khoản 78 Điều 1 ND245/2025/ND-CP (sửa đổi Khoản 3 Điều 275 ND155/2020/ND-CP quy định về Tư cách thành viên Hội đồng quản trị)</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là <b>thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên</b> tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<p>c) Thành viên Hội đồng quản trị của công ty có thể là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác nhưng thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là <b>thành viên Hội đồng quản trị</b> tại tối đa 05 (năm) công ty khác.</p>	
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</li> <li>- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định sau:</li> </ul> <p>+ Đề thông báo việc từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức phải gửi Đơn từ nhiệm/từ chức đến Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>o Chức vụ từ nhiệm/từ chức;</li> <li>o Lý do từ nhiệm/từ chức;</li> <li>o Thời điểm có hiệu lực (ghi rõ ngày bắt đầu có hiệu lực);</li> <li>o Chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của thành viên Hội đồng quản trị.</li> </ul> <p>+ Quy trình xử lý đơn từ nhiệm/từ chức của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>o Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.</li> <li>o Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức và chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.</li> <li>o Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.</li> </ul> <p>Ủi Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Ủi Trường hợp Hội đồng quản trị không thông qua việc tiếp nhận đơn từ</p>	<p>Không có</p>	<p>Bổ sung cơ sở xác định quyền và nghĩa vụ của TV HĐQT khi TV này từ nhiệm</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức đến thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức chậm nhất hai (02) ngày làm việc sau ngày có quyết định.</p> <p>o Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức phải được công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định.</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị không được rút đơn từ nhiệm/từ chức, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định không tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức.</p>		
31	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. (bỏ)</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. (bỏ)</p>	<p><b>Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Điều lệ này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp nhận;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông, nhóm cổ đông đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;</p> <p>2. Trường hợp Hội đồng quản trị lãnh đạo công ty hoạt động kinh doanh bị thua lỗ liên tục quá một nửa thời hạn của nhiệm kỳ thì sẽ bị miễn nhiệm toàn bộ các thành viên của nhiệm kỳ đó; Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành họp để bầu lại toàn bộ số thành viên Hội đồng quản trị này theo trình tự thủ tục chung.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị tham ô tài sản của công ty, cố ý làm trái quy định của pháp luật và Điều lệ công ty gây thiệt hại về tài sản, uy tín, thương hiệu của công ty thì sẽ bị bãi nhiệm ngay lập tức kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản kết luận sau khi đã tập hợp đầy đủ bằng chứng chứng minh về hành vi sai phạm của thành viên đó mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết bãi nhiệm, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>- Trong TH TV HĐQT là cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thì cổ đông lớn sẽ có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để miễn nhiệm TV HĐQT và bầu thay thế TV HĐQT mới</p> <p>- Trong TH này, STW cần cân nhắc về thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ kể từ khi có KQKD thua lỗ, ví dụ như sau khi có BCTC kiểm toán năm thứ 03 bị lỗ liên tiếp thì sẽ đưa nội dung này vào ĐHĐCĐ thường niên để biểu quyết. Tuy nhiên, đây cũng được xem là thuộc TH HĐQT không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công</p> <p>- Trong TH này, BKS có trách nhiệm thông báo với HĐQT và có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ để bãi nhiệm TV HĐQT và bầu thay thế TV HĐQT mới</p> <p>=&gt; Nguyên tắc là khi cần miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT thì chỉ cần có lý do hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và được ĐHĐCĐ thông qua</p>

220  
C  
S



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
32	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 43. Hội đồng quản trị	Điều chỉnh cách diễn đạt cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để đơn giản và dễ hiểu hơn
	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: ... e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có mức đầu tư dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty;	2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: ... e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, <b>trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b>	
	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác, <b>trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</b>	
	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch (nếu có)</b> ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định theo <b>đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> ; (bỏ) quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của <b>những người quản lý đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; <b>bổ nhiệm, miễn nhiệm</b> đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định <b>mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác</b> của họ;	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty và cán bộ quản lý khác; Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm bất kể chức vụ quản lý của bất kỳ cá nhân nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của <b>những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm</b> , ký kết hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; <b>chỉ định, bãi nhiệm</b> đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định <b>mức thù lao và quyền lợi khác</b> của họ;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;	Không có	
	r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;	Không có	Cập nhật cho phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 81 Điều 1 ND245/2025/ND-CP (sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 278 ND155/2020/ND-CP quy định về Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)
	s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Không có	Cập nhật cho phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 81 Điều 1 ND245/2025/ND-CP (sửa đổi, bổ sung Khoản 10 Điều 278 ND155/2020/ND-CP quy định về Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	t) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 159 LDN quy định về quyền được cung cấp thông tin của HĐQT
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 280 NĐ155/2020/NĐ-CP quy định về Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
33	<b>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 51. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT</b>	
	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. <b>Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.</b> Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 163 LDN quy định về Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc
	4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Không có	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác <b>mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</b>	b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. <b>(không có)</b>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để có thêm căn cứ xác định chi phí này có phù hợp để STW thanh toán hay không
	6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.	Không có	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC do bổ sung thêm cơ chế để TV HĐQT được mua bảo hiểm trách nhiệm Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bồi thường cho người được bảo hiểm các chi phí kiện tụng và các thiệt hại phải trả cho bên thứ ba trong thời hạn bảo hiểm được quy định trên hợp đồng liên quan đến các vi phạm thực tế và bị cáo buộc do sai sót trong chuyên môn nghề nghiệp;



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
34	<b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. (bỏ) <b>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.</b>	<b>Điều 46. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên tán thành. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người đã từng giữ chức vụ quản lý doanh nghiệp (thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng). <b>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc công ty.</b>	- Theo quy định tại Khoản 12 Điều 157 LDN: "Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành" => Nội dung nào thuộc thẩm quyền của HĐQT đều cần được thông qua theo nguyên tắc đa số - Theo quy định tại Khoản 2 Điều 156 LDN: "Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc." => Chủ tịch HĐQT bắt buộc không được kiêm TGD
	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để có cơ sở thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT nhằm đảm bảo việc triệu tập HĐQT và các công việc khác của Chủ tịch HĐQT
	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền <b>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</b> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 4 Điều 156 LDN quy định về Chủ tịch Hội đồng quản trị để có cơ sở thực hiện khi Chủ tịch HĐQT không có khả năng thực hiện nhiệm vụ vì những lý do trên nhưng chưa ủy quyền cho người khác
35	<b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 47. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b>	
	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. (bỏ)	2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. <b>Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.</b>	Khoản 2 Điều 157 LDN, không giới hạn địa điểm tổ chức họp HĐQT (chỉ giới hạn họp ĐHĐCD)
	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải <b>gửi thông báo mời họp</b> đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải <b>triệu tập</b> họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại	- Thuật ngữ "triệu tập" có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau:



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này và <b>chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị.</b> Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, <b>quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.</b>	khoản 4 Điều này. <b>(không có)</b> Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị <b>(không có)</b> .	"ngày ra TB mời họp" hoặc "ngày tổ chức cuộc họp" => Quy định rõ "triệu tập" là "ngày gửi TB mời họp/xác định ngày họp" có thể giúp Công ty có cơ sở thực hiện tránh các tranh chấp, khiếu nại về việc không triệu tập ĐHĐCĐ đúng thời hạn - 07 ngày làm việc để gửi thông báo mời họp + 03 ngày làm việc để họp - Bổ sung cơ chế để người yêu cầu triệu tập thực hiện triệu tập khi cần
	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp (bốn). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, <b>hình thức họp</b> , chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, <b>phương tiện điện tử</b> hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp <b>nếu Điều lệ công ty không có quy định khác</b> . Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, <b>(không có)</b> chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, <b>bưu điện</b> , fax, <b>thư điện tử</b> hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.	- Đây đang là trong Điều lệ Công ty - Bổ sung thêm hình thức họp - "giấy mời" = "bưu điện" => lược bỏ để dễ hiểu hơn
	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải <b>gửi thông báo mời họp</b> lần 2 đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và <b>chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</b> Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (từ 75%) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được <b>triệu tập</b> lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất <b>(không có)</b> . Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (hơn 50%) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	- Thuật ngữ "triệu tập" có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau: "ngày ra TB mời họp" hoặc "ngày tổ chức cuộc họp" => Quy định rõ "triệu tập" là "ngày gửi TB mời họp/xác định ngày họp" có thể giúp Công ty có cơ sở thực hiện tránh các tranh chấp, khiếu nại về việc không triệu tập ĐHĐCĐ đúng thời hạn - Bổ sung thời hạn triệu tập cuộc họp lần để có cơ sở thực hiện, tránh trường hợp kéo dài
	9. <b>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</b> Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;	9. <b>(không có)</b> Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này. c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến <b>hoặc hình thức tương tự khác</b> ; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 9 Điều 157 LDN quy định về Cuộc họp Hội đồng quản trị

25.04.2021  
 M.S.V



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	<p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <b>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</b></p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p><b>d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).</b></p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá 1/2) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p><b>Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.</b></p>	<p>d) (không có).</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (không có)</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Khoản 4 Điều 291 ND155/2020/NĐ-CP quy định về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</p>
36	<p><b>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để có cơ sở thực hiện khi STW cần bổ sung các tiểu ban HĐQT
37	Không có	<p><b>Điều 49. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Hội đồng quản trị quy định.</p>	Điều q Khoản 2 Điều 27 đã có quy định về nội dung này
38	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 56. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để có thêm quy định về nghĩa vụ của NPTQTCT kiêm Thư ký Công ty



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
39	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
40	<p><b>Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp</b></p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Người điều hành doanh nghiệp được trả lương, thưởng, các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
41	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</b></p> <p>3. ... Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: ... <b>d) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.</b></p> <p>4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty <b>mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;</b> b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị <b>và Chủ tịch Hội đồng quản trị;</b></p> <p>d) Quyết định tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, <b>trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;</b></p>	<p><b>Điều 52. Tổng Giám đốc</b></p> <p>2. ... Điều kiện và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc: ... <b>(không có)</b></p> <p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty <b>mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</b> b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, <b>kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</b></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 162 LDN quy định về Giám đốc, Tổng giám đốc công ty</p> <p>Điều chỉnh lại cách diễn đạt vì nguyên tắc thông thường là HĐQT ban hành NQ chủ trương và chỉ định TGD thực hiện dựa trên NQ đó</p> <p>Thông thường Chủ tịch HĐQT không có thẩm quyền đề ban hành NQ hay QĐ Tuy nhiên cũng có một số TH Chủ tịch HĐQT được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ thì cũng có cơ chế cho TGD thực hiện</p> <p>Diễn đạt dễ hiểu và bao hàm đầy đủ các trường hợp</p>



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	e) Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;	đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua phương án nhân sự cụ thể; g) Tuyển dụng lao động;	Tổng hợp 02 nội dung tương tự thành 01 nội dung hoàn chỉnh
	h) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 162 LDN quy định về Giám đốc, Tổng giám đốc công ty
	k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, <b>Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty.</b>	j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông ( <b>không có</b> ).	Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 162 LDN quy định về Giám đốc, Tổng giám đốc công ty
	(bỏ)	5. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	Điểm i Khoản 2 Điều 27 đã có quy định về quyền của HĐQT đối với tiền lương của TGD
42	Không có	<b>Điều 53. Phó Tổng giám đốc</b> 1. Công ty có từ 01 (một) đến 03 (ba) Phó Tổng Giám đốc, trừ trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản trị quyết định. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành công ty trong từng lĩnh vực công tác theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công, ủy quyền. Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn, đề xuất để Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi đã tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc. 2. Phó Tổng Giám đốc được ký thay Tổng Giám đốc đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc trong phạm vi, lĩnh vực công tác thường xuyên đã được Tổng Giám đốc phân công và các văn bản thuộc lĩnh vực công tác khác nếu được Tổng Giám đốc ủy quyền bằng văn bản tại thời điểm ký.	Đã có quy định về Người điều hành doanh nghiệp
43	Không có	<b>Điều 54. Kế toán trưởng</b> Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm.	Đã có quy định về Người điều hành doanh nghiệp
44	<b>Điều 36. Thư ký Công ty</b> Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. <b>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</b>	<b>Điều 55. Thư ký công ty</b> 1. Hội đồng quản trị có thể quyết định bổ nhiệm một (hoặc nhiều) người làm Thư ký công ty theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. ( <b>bổ sung</b> )	Thư ký cũng là 1 người lao động của Công ty nên việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cần thực hiện theo đúng pháp luật về lao động
45	Không có	<b>Điều 57. Cán bộ quản lý khác</b> Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty trong từng thời điểm, Tổng Giám đốc xây dựng phương án nhân sự cụ thể để trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, quyết định.	Đã có quy định về Người điều hành doanh nghiệp



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
46	<p><b>Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><b>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này.</b></p> <p>Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;</p> <p>c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.</p> <p><b>Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 25 Điều lệ này..</b></p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, <b>Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</b></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, <b>Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p><b>Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p> <p><b>2. (không có)</b></p> <p>Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;</p> <p>c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên. <b>(không có)</b></p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, <b>Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. (không có)</b></p>	Tương tự như việc đề cử, ứng cử TV HĐQT
47	<p><b>Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c) Không phải là <b>người có quan hệ gia đình</b> của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và <b>người quản lý khác</b>;</p> <p>d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>e) Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty <b>trong 03 năm liền trước đó</b>;</p>	<p><b>Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Không là nhân viên làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>c) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty;</p> <p>d) Không phải là <b>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</b> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <b>Phó Tổng Giám đốc công ty</b>;</p> <p>d) Không phải phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập <b>đang thực hiện</b> kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>e) Khi công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán thì</p>	- Định nghĩa Người có quan hệ gia đình được quy định tại Khoản 22 Điều 4 LDN: "Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng." => Thay đổi cách diễn đạt để đầy đủ và bao hàm tất cả các trường hợp



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	(bỏ) <b>g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</b>	phải tuân thủ theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật về chứng khoán. (không có)	- Người quản lý còn bao gồm các chức danh khác do ĐHĐCD hoặc HĐQT bổ nhiệm theo Điểm f Khoản 1 Điều 1 Điều lệ - Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 286 ND155/2020/NĐ-CP quy định về tiêu chuẩn TV BKS - Tiêu chuẩn TV BKS tại công ty niêm yết giống với tiêu chuẩn tại CTĐC
48	<b>Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát</b>	<b>Điều 65. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>	
	3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; (bỏ) c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 59 của Điều lệ này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) <b>Kiểm soát viên là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;</b>	Tương tự như việc miễn nhiệm TV HĐQT
	4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; <b>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</b>	2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. (không có)	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC do ĐHĐCD có toàn quyền quyết định đối với các vấn đề quan trọng của Công ty
	5. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây: - Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. - Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. - Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Khoản 6 Điều 26 Điều lệ này.	Không có	Bổ sung cơ sở xác định quyền và nghĩa vụ của TV BKS khi TV này từ nhiệm
49	<b>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 58. Ban kiểm soát</b>	
	1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có	2. Ban kiểm soát bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên	Dễ tìm ứng cử viên hơn



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. <b>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (bỏ).</b>	thường trú ở Việt Nam. <b>Trưởng Ban kiểm soát phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính - kế toán trở lên và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</b>	
50	<b>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</b> 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;(bỏ) c) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập;(bỏ) <b>d) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</b> <b>đ) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</b>	<b>Điều 60. Trưởng Ban kiểm soát</b> 1. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát; c) Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập; đ) Ký các văn bản của Ban kiểm soát; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.(không có)	- BKS không bắt buộc phải phân công nhiệm vụ giữa các TV, trong trường hợp Điều lệ có quy định này thì BKS phải tổ chức họp để phân công từng năm/từng nhiệm kỳ để đáp ứng quy định, làm gia tăng rủi ro bị cổ đông kiến nghị vì không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ - BKS thường có 02 văn bản là biên bản họp (tất cả các TV đều phải ký) và báo cáo (đã có quy định bên dưới)
51	<b>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b> Các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b> 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	Trích dẫn quy định ngắn gọn => nếu Điều 170 LDN được sửa đổi thì không cần sửa đổi lại Điều lệ



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
		<p>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	<p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điều 288 NĐ155/2020/NĐ-CP quy định về Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
	9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.		
52	<b>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b> 12. Ban Kiểm soát có trách nhiệm như sau: a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.(bổ) 6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Ban Kiểm soát khác, thành viên Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	<b>Điều 63. Trách nhiệm của Kiểm soát viên</b> 1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. 2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. 3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty. 6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.	
53	<b>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b> 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	<b>Không có</b>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điều 289 NĐ155/2020/NĐ-CP quy định về Cuộc họp của Ban kiểm soát
54	<b>Không có</b>	<b>Điều 62. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</b> 1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành. 2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.	Khoản 11 Điều 61 Điều lệ đã có quy định về quyền được tiếp cận tài liệu của BKS



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
		3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.	
55	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	Không có	
56	Điều 47. Phân phối lợi nhuận 2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty	Điều 73. Phân phối lợi nhuận Không có	Bổ sung thêm cơ sở thực hiện trong TH STW dự kiến có lợi nhuận trong năm tới và sẽ tạm ứng cổ tức trong năm theo ủy quyền của ĐHĐCĐ thay vì đợi đến ĐHĐCĐ thường niên
57	Điều 48. Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty có thể tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	Điều 74. Tài khoản ngân hàng Công ty mở một hoặc nhiều tài khoản thanh toán tại ngân hàng Việt Nam, ngân hàng nước ngoài để thực hiện các giao dịch về tài chính thông qua tài khoản của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC do diễn đạt đầy đủ hơn
58	Điều 49. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.	Điều 75. Năm tài chính Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. (không có)	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
59	Điều 50. Chế độ kế toán 3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	Điều 76. Chế độ kế toán 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. (không có)	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
60	Điều 51. Báo cáo tài chính năm 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Điều 77. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm. Báo cáo tài chính năm của công ty phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 79 Điều lệ này, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và nộp cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để bổ sung thêm cơ sở xác định giá trị giao dịch bằng ngoại tệ
61	Điều 54. Dấu của doanh nghiệp Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Không có	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và quy định tại Điều 42 LDN quy định về Dấu của doanh nghiệp



STT	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CĂN CỨ
62	<p><b>Điều 55. Giải thể Công ty</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, <b>cổ đông</b> tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</b></p> <p>3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 81. Giải thể công ty</b></p> <p>1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên <b>(không có)</b> tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;</p> <p>c) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án <b>(không có)</b></p> <p>2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.</p>	<p>- Điều chỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 207 LDN được sửa đổi bởi Khoản 23 Điều 1 LDN sửa đổi 2025 - Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để bổ sung thêm thẩm quyền quyết định việc giải thể</p>
63	<p><b>Điều 56. Thanh lý</b></p> <p>1. Trong thời hạn <b>năm (05) ngày làm việc</b> kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. <b>Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</b></p>	<p><b>Điều 82. Thanh lý</b></p> <p>1. Trong thời hạn <b>06 (sáu) tháng</b> kể từ ngày có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 05 (năm) thành viên, gồm có: 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 02 (hai) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. <b>Ban thanh lý thay mặt công ty để thực hiện tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty.</b></p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 208 LDN: "Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. "</p>
64	<p><b>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b></p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p><b>Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b></p> <p>Không có</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC để tránh TH các bên yêu cầu STW thanh toán các chi phí này mà tranh chấp không phát sinh/liên quan đến Công ty</p>

\*\*\*\*\*



Số: 13/TTr-BKS

Cần Thơ, ngày 17 tháng 03 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Biên bản số 09/BB-HĐQT ngày 25/3/2026 về việc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029.

Căn cứ Biên bản số 07/BB-BKS ngày 27/3/2026 về việc họp Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (Công ty) phù hợp với các quy định của pháp luật, Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) Công ty trong năm tài chính 2026, như sau:

**1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập**

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của công ty trong năm tài chính 2026 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập, có chức năng kiểm toán BCTC của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết trên sàn chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của công ty.

**2. Đề xuất của Ban kiểm soát**

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập tại mục 1, BKS đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập là **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C** làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC Công ty trong năm tài chính 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.



**Nguyễn Hoài Bảo Khánh**



Số: ...**46**.../TTTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày **26** tháng **3** năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Về việc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2024 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 (lần thứ hai) của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;*

*Căn cứ Biên bản số 09/BB-HĐQT ngày 25/3/2026 về việc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nội dung sau:

**1.** Bãi nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029 đối với ông Nguyễn Trọng Kiên, kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Lý do: vi phạm điểm a khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm b khoản 3 điều 50 Điều lệ Công ty: “Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục”.

**2.** Bãi nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029 đối với ông Dương Ngô Hiệp, kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Lý do: vi phạm điểm a khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm b khoản 3 điều 50 Điều lệ Công ty: “Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.



**Trần Anh Hòa**



Cần Thơ, ngày 28 tháng 5 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 22/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ngày 28/5/2026 của Đại hội đồng cổ đông về việc Bổ sung ứng viên vào danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029

Để đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029, như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung: **02 (hai)**

2. Danh sách ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024-2029, được cổ đông/nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử tại thời điểm xem xét, thẩm định hồ sơ:

a) Giấy đề nghị đề cử của những Người đại diện phần vốn Nhà nước theo văn bản thống nhất của cổ đông Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ), sở hữu 7.772.935 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 49% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đối với ứng viên:

- Họ và tên: **Trần Thanh Nhân**

Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 03/01/1976

- Số CCCD: 094076003699 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/5/2021

- Địa chỉ thường trú: 233 Trương Công Định, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tin học, Trung cấp Cấp thoát nước, Trung cấp Kế toán doanh nghiệp.

(Đính kèm Giấy đề nghị đề cử và sơ lý lịch trích ngang)





b) Giấy đề nghị đề cử của cổ đông Nghiêm Thị Lệ Hằng, sở hữu 2.617.152 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 16,498 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đối với ứng viên:

- Họ và tên: **Dương Ngô Hiệp**                      Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/7/1977
- Số CCCD: 024077015939 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/6/2021
- Địa chỉ thường trú: xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Xây dựng công trình thủy.

*(Đính kèm Giấy đề nghị đề cử và sơ lý lịch trích ngang)*

c) Giấy đề nghị đề cử của cổ đông Công ty cổ phần VBIC Việt Nam, sở hữu 3.803.213 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 23,975 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đối với ứng viên:

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Mãi**                      Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/7/1977
- Số CCCD: 024077000325 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021
- Địa chỉ thường trú: Số 848 đường La Thành, Giảng Võ, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật.

*(Đính kèm Giấy đề nghị đề cử và sơ lý lịch trích ngang)*

d) Giấy đề nghị đề cử của nhóm cổ đông Nguyễn Minh Phương và Lê Quang Hải, sở hữu 1.037.301 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 6,549 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đối với ứng viên:

- Họ và tên: **Vũ Tiên Bộ**                      Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/10/1981
- Số CCCD: 036081000213 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/8/2021
- Địa chỉ thường trú: LK1-31 KĐT M An Hưng, phường Dương Nội, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.

*(Đính kèm Giấy đề nghị đề cử và sơ lý lịch trích ngang)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**Trần Anh Hòa**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 – 2029**  
*(Áp dụng cho cổ đông)*

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

- Họ tên cổ đông: Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND thành phố Cần Thơ)
- Số lượng cổ phần sở hữu: 7.772.935 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: Bảy mươi bảy tỷ, bảy trăm hai mươi chín triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng.
- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty gồm:

1. Ông Trần Anh Hòa

Số CCCD: 082072011833

Là người đại diện 3.886.468 cổ phần/7.772.935 cổ phần thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân (tương đương 50%/49% vốn điều lệ) tại Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, đồng thời phụ trách chung phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Ông Ong Hải Phước

Số CCCD: 094065004197

Là người đại diện 3.886.467 cổ phần/7.772.935 cổ phần thuộc sở hữu của Ủy ban Nhân dân (tương đương 50%/49% vốn điều lệ) tại Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Căn cứ Công văn số 2369/UBND-KT ngày 12/5/2026 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ về việc ý kiến nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Nay, chúng tôi thống nhất đề nghị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng cho đề cử:

- Ông: Trần Thanh Nhân
- CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: 094076003699
- Do: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH      Cấp ngày: 10/5/2021
- Địa chỉ thường trú: Số 233 Trương Công Định, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ
- Trình độ học vấn: 12/12      Chuyên ngành: Cử nhân Tin học; Trung cấp Cấp thoát nước; Trung cấp Kế toán doanh nghiệp.
- Hiện đang sở hữu: 43.900 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: Bốn trăm ba mươi chín triệu đồng

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CCCD của ứng cử viên;
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên;
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và chuyên môn (nếu có).

Cần Thơ, ngày 20.. tháng 5 năm 2026

Người đề cử  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Ong Hải Phước**



**Trần Anh Hòa**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*Dùng cho ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị  
Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029*

1. Họ và tên	Trần Thanh Nhân
2. Giới tính	Nam
3. Ngày tháng năm sinh	03/01/1976
4. Nơi sinh	Phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ
5. CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số	094076003699 - Cấp ngày: 10/05/2021
6. Quốc tịch	Việt Nam
7. Dân tộc	Kinh
8. Địa chỉ thường trú	Số 233 Trương Công Định, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ
9. Số điện thoại công ty Số điện thoại di động	(0292) 3.820.943 0913.10.94.95
10. Địa chỉ email	nhan.stwaco@gmail.com
11. Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tin học; Trung cấp Cấp thoát nước; Trung cấp Kế toán doanh nghiệp
12. Quá trình công tác	
+ Từ 09/2000 đến 01/2004	Nhân viên phòng TCHC thuộc Công ty Cấp nước Sóc Trăng;
+ Từ 02/2004 đến 12/2009	Phó Trưởng phòng TCHC thuộc Công ty Cấp nước Sóc Trăng;
+ Từ 01/2010 đến 01/2011	Q. Trưởng phòng TCHC thuộc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng;
+ Từ 02/2011 đến 12/2017	Trưởng phòng TCHC thuộc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng;
+ Từ 01/2018 đến 08/2023	Trưởng phòng TCHC thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;
+ Từ 09/2023 đến 01/2025	Phó Trưởng ban Ban kiểm soát, Trưởng phòng TCHC thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;



+ Từ 02/2025 đến 03/2025	Trưởng phòng TCHC thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;
+ Từ 04/2025 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.
13. Các chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.
14. Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 04/5/2026) là <b>51.832</b> cổ phần, chiếm <b>0,3267%</b> vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): Đại diện quản lý phần vốn góp của CĐCS Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng theo Quyết định số 01/QĐ-CĐCS ngày 13/01/2025 của CĐCS Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.	7.932 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	43.900 cổ phần, chiếm 0,2767% vốn điều lệ
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có)	Không
16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	Không
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trân trọng./.

Cần Thơ, ngày 13 tháng 5 năm 2026

**Người khai**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



**Trần Thanh Nhàn**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 - 2029**

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

- Họ tên cổ đông: Nghiêm Thị Lệ Hằng
- CCCD số: 019197010040
- Do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/8/2022
- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.617.152 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 26.171.520.000 (đồng)

Đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng cho tôi đề cử:

Ông: Dương Ngô Hiệp

CCCD số: 024077015939

Do Cục cảnh sát QLHC về TTXH                      Cấp ngày 25/6/2021

Địa chỉ thường trú: Xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh.

Trình độ học vấn: Thạc sỹ                      Chuyên ngành: Xây dựng công trình thủy

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 0 (đồng)

Làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng  
nhiệm kỳ 2024 – 2029

Xin trân trọng cảm ơn!

*Hồ sơ kèm theo:*

- Bản sao CCCD;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 05 năm 2026

**Người đề cử**



**Nghiêm Thị Lệ Hằng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


SƠ YẾU LÝ LỊCH

Dùng cho ứng viên thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng - Nhiệm kỳ 2024-2029

1/ Họ và tên:	Dương Ngô Hiệp
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày, tháng, năm sinh:	13/7/1977.
4/ Nơi sinh:	xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh.
5/ CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: 024077015939	Cấp ngày: 25/6/2021
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh.
9/ Số điện thoại công ty:	
10/ Địa chỉ email:	duongngohiep@gmail.com.
11/ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ xây dựng công trình thủy.
12/ Quá trình công tác: - Năm 2003 - 2009. - Năm 2010 - 2012 - Năm 2013 - 2024 - Năm 2024 - nay	Cán bộ, Viện khoa học thủy lợi; Trưởng phòng, Công ty cổ phần Quốc tế Đông Á; Giám đốc, Công ty cổ phần phát triển Tân Á; Chủ tịch HĐQT, Công ty cổ phần nước Sóc Trăng và Trưởng phòng QLĐT Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên.
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nước Sóc Trăng; - Trưởng phòng Quản lý đầu tư Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên.
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt đến ngày 18/5/2026): 2.617.152 cổ phần, chiếm 16,5% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn/ủy quyền của cổ đông Nghiêm Thị Lệ Hằng:	2.617.152 cổ phần, chiếm 16,5% vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	0,0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty	..... - Mối quan hệ.....; nắm giữ: .....CP, chiếm ..... vốn điều lệ.
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty	
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 5 năm 2026  
Người khai  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Dương Ngô Hiệp



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 - 2029**

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

- Người đại diện nhóm cổ đông: Nguyễn Minh Phương

- CC số: 001084010700

- Do Bộ Công an

Cấp ngày 29/10/2024

(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

- Số lượng cổ phần sở hữu của nhóm cổ đông: 1.037.301 cổ phần

- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 10.373.010.000 (đồng)

**Đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng cho chúng tôi đề cử:**

Ông: Vũ Tiến Bộ

CCCD số: 036081000213

Do Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Cấp ngày 16/08/2021

Địa chỉ thường trú: LK1-31 KĐT An Hưng, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

Trình độ học vấn: Cử nhân

Chuyên ngành: Tài chính kế toán

Hiện đang sở hữu: 2.000 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 20.000.000 (đồng)

Làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng  
nhiệm kỳ 2024 – 2029

Xin trân trọng cảm ơn!

*Hồ sơ kèm theo:*

- Bản sao CCCD;

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

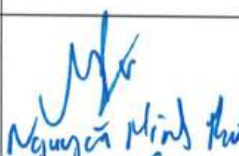
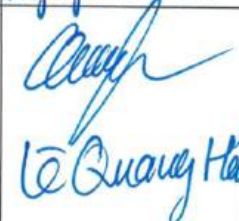
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**Người đại diện nhóm cổ đông đề cử**

  
Nguyễn Minh Phương



**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

Stt	Họ và tên	CCCD	Địa chỉ thường chú	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông
1	Nguyễn Minh Phương	CC số 001084010700 do Bộ Công an cấp ngày 29/10/2024	Xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	637.301	
2	Lê Quang Hải	CCCD số 024093018049 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/7/2022	Phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	400.000	
Tổng cộng				1.037.301	



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM**  
**ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG NHIỆM KỲ 2024 - 2029**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2024 ;

- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Hôm nay, ngày 15/5/2026, tại Hà Nội, chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng cùng nhau nắm giữ 1.037.301 cổ phần (bằng chữ: Một triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm linh một cổ phần), chiếm tỷ lệ 6,52% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

Stt	Tên cổ đông	CCCD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông
1	Nguyễn Minh Phương	CC số 001084010700 do Bộ Công an cấp ngày 29/10/2024	Xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	637.301	
2	Lê Quang Hải	CCCD số 024093018049 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/7/2022	Phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	400.000	
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.037.301</b>	

Chúng tôi cùng nhất trí đề cử:

Ông: Nguyễn Minh Phương

CC số: 001084010700

Do Bộ Công an      Cấp ngày 29/10/2024

Địa chỉ thường trú: Xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Và cùng nhất trí đề cử ứng viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị:

Ông: Vũ Tiến Bộ



CCCD số: 036081000213

Do Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Cấp ngày 16/08/2021

Địa chỉ thường trú: LK1-31 KĐTM An Hưng, phường Dương Nội, TP Hà Nội.

Trình độ học vấn: Cử nhân

Chuyên ngành: Tài chính kế toán

Hiện đang sở hữu: 2.000 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 20.000.000 (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 15/5/2026 tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**Người được đề cử đại diện nhóm**

  
Nguyễn Minh Phương



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*Dùng cho ứng viên thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng - Nhiệm kỳ 2024-2029*

1/ Họ và tên:	Vũ Tiến Bộ
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày, tháng, năm sinh:	27/10/1981
4/ Nơi sinh:	xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình
5/ CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: 036081000213	Cấp ngày: 16/08/2021
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	LK1-31 KĐT M An Hưng, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội
9/ Số điện thoại:	0928388488
10/ Địa chỉ email:	tienbo1981@gmail.com
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán

12/ Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 – 2007	Phòng TCKT Công ty cổ phần Sông Đà 11 Ban TCKT Trung tâm thí nghiệm điện Sông Đà	Kế toán nhật ký chung Kế toán tổng hợp
2007 - 2008	Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà	Kế toán trưởng
2008 - 2010	Xí nghiệp xây lắp số 1 – Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà	Kế toán trưởng
	Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ SOMEKO – Tổng Công ty Sông Đà	Kế toán trưởng
2010 - 2011	Nhà máy thủy điện Hòa Bình – Tập đoàn điện lực Việt Nam	Kế toán tổng hợp
2011 - 2014	BQL dự án KĐT Sinh thái và dịch vụ Cửu Long – Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Hòa Bình	Kế toán trưởng
2014 - 2015	Công ty cổ phần kỹ thuật điện Sông Đà Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và phát triển cơ khí (Coma.eng)	Trưởng ban kiểm soát Kế toán trưởng
2015 - 2020	Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đông Á	Trưởng Ban kiểm soát Giám đốc tài chính
2017 - 2024	Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng	Trưởng Ban kiểm soát

2020 - nay	Công ty cổ phần quốc tế Đông Á Hà Nội	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
------------	---------------------------------------	------------------------------

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần quốc tế Đông Á Hà Nội
14/ Tổng số CP nắm giữ (chót đến ngày 18/5/2026): 2.000 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn/ủy quyền của cổ đông:	0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	2.000 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty	..... - Mỗi quan hệ.....; nắm giữ: .....CP, chiếm ..... vốn điều lệ.
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty	
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Vũ Tiến Bộ**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 - 2029**

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

- Họ tên cổ đông: Công ty cổ phần VBIC Việt Nam
- GDKDN số: 0108307727
- Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 30/8/2023
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quang Mãi
- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.803.213 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 38.032.130.000 (đồng)

Đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng cho chúng tôi đề cử:

Ông: Nguyễn Quang Mãi

CCCD số: 024077000325

Do Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Cấp ngày 10/7/2021

Địa chỉ thường trú: Số 848 đường La Thành, Giảng Võ, Hà Nội.

Trình độ học vấn: Thạc sỹ kỹ thuật

Chuyên ngành: Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước

Hiện đang sở hữu: 160.000 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 1.600.00.0000 (đồng)

Làm ứng viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024 – 2029

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CCCD;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người đề cử



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Nguyễn Quang Mãi*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*Dùng cho ứng viên thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng - Nhiệm kỳ 2024-2029*

1/ Họ và tên:	Nguyễn Quang Mai
2/ Giới tính:	Nam
3/ Ngày, tháng, năm sinh:	19/7/1977
4/ Nơi sinh:	xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh
5/ CCCD/Căn cước/Hộ chiếu số: 024077000325	Cấp ngày: 10/7/2021
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	Số 848 đường La Thành, Giảng Võ, Hà Nội
9/ Số điện thoại:	0913067266
10/ Địa chỉ email:	quangmai77@gmail.com
11/ Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kỹ thuật

**12/ Quá trình công tác:**

<i>Thời gian công tác</i>	<i>Đơn vị công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
2000 - 2009	Viện khoa học thủy lợi	Nghiên cứu viên, Đội trưởng
2009 – 2021	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đông Á	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2021 - Nay	Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đông Á	Tổng giám đốc
2015 – Nay	Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2017 – 2018	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Ngô Việt Nam	Thành viên HĐQT
2018 – Nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Ngô Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2017 - 2023	Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng	Thành viên HĐQT
2023 - 2024	Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT



2020 – 2025	Công ty cổ phần nước Sóc Trăng	Thành viên HĐQT
2018 – Nay	Công ty cổ phần VBIC Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2019 – Nay	Công ty cổ phần Doinco Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đông Á;</li> <li>- Chủ tịch HĐQT các Công ty: Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Ngô Việt Nam, Công ty cổ phần VBIC Việt Nam, Công ty cổ phần Doinco Việt Nam.</li> </ul>
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt đến ngày 18/5/2026): 160.000 cổ phần, chiếm 01% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn/ủy quyền của cổ đông Nghiêm Thị Lệ Hằng:	0 cổ phần, chiếm 0,0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	160.000 cổ phần, chiếm 01% vốn điều lệ
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty	Công ty cổ phần VBIC Việt Nam; Mối quan hệ: Người quản lý của tổ chức; nắm giữ: 3.803.213 cổ phần, chiếm 23,98% vốn điều lệ.
17/ Lợi ích liên quan đối với công ty	
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2026

**Người khai**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Quang Mai**

Số: 22/TTr-HĐQT

Cần Thơ, ngày 24 tháng 5 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị**  
**Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;*

*Căn cứ Biên bản số 09/BB-HĐQT ngày 25/3/2026 về việc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng nhiệm kỳ 2024-2029.*

Nhằm đảm bảo công tác quản lý doanh nghiệp ngày càng chặt chẽ, đúng quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (đính kèm dự thảo Quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trần Anh Hòa**



*Cần Thơ, ngày 28 tháng 5 năm 2026*

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/5/2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (Công ty) bao gồm các nội dung sau:

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và Giải thích thuật ngữ**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan được đề cập trong quy chế này.

**3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;



b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương*) lần đầu;

đ) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

i) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

l) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con;

m) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ Công ty;

n) *Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu* là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

o) *Công ty* là Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng ;

p) *HĐQT* là Hội đồng quản trị;

q) *Ứng cử* là tự đề cử

r) *BKS* là Ban kiểm soát;

s) *VSDC* là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

t) *Đại biểu* là Cổ đông, người đại diện (*người được cổ đông ủy quyền*);

u) *Người phụ trách quản trị Công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

v) *Đại hội trực tuyến* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

x) *Bỏ phiếu điện tử* là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế này;

y) *Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập* bao gồm thông tin tên truy cập (*username*) và mật khẩu (*password*) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

z) *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc;

w) *Bí mật thương mại, Bí mật kinh doanh* là các thông tin về kế hoạch kinh



doanh chi tiết theo từng mặt hàng và từng khách hàng; hồ sơ, thông tin chi tiết về danh sách khách hàng và nhà cung cấp; các thông tin mà Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã có cam kết bảo mật thông tin với khách hàng; lượng hàng hoá dự trữ, giá thành và lợi nhuận; quy trình sản xuất; các giải pháp công nghệ thông tin; các thông tin về các hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm; phần mềm quản lý, kinh doanh.

## **Chương II** **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)**

#### **Mục 1. Quy định chung**

#### **Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ Công ty.

#### **Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

#### **Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam;

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải xác định ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu



tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

7. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

##### **1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa**

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



đ) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

e) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành;

g) Đoàn Chủ tọa gồm tối thiểu 01 người, bao gồm 01 Chủ tịch và các thành viên (nếu có);

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu

a) Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một (01) hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu của



Đại hội gồm tối thiểu hai (02) người, bao gồm một (01) Trưởng ban và tối thiểu một (01) thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành;
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu (hỗ trợ kiêm nhiệm kiểm phiếu).

### **Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

### **Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết;

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:



- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

### **Điều 8. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 9. Cách thức ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số cổ đông; số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;



b) Số lượng cổ phần ủy quyền và tỷ lệ cổ phần ủy quyền tương ứng với mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của người đại diện theo ủy quyền là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức;

d) Nội dung và phạm vi ủy quyền;

đ) Thời hạn ủy quyền tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

e) Chữ ký, ghi rõ họ tên (*được viết tay*), đóng dấu (*nếu là tổ chức*) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Phiếu biểu quyết/bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội về Công ty.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Điều 9 Quy chế này (*trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện*).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi



thông báo triệu tập họp.

**Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

**Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

- Cuộc họp trực tiếp;
- Hội nghị trực tuyến;
- Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.

b) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (*Quy định tại Phần II Chương này*)

- Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử;
- Gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử;
- Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp bỏ phiếu điện tử.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 13. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
4. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
5. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
7. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
8. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm



đầu tiên kể từ ngày thành lập; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

10. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

11. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

13. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

14. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

15. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

16. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

17. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

18. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

19. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

20. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

21. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

22. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

23. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 14. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết còn lại được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người





trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Quy chế bầu cử quy định.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Ban kiểm phiếu ký tên vào biên bản. Số phiếu biểu quyết phải được niêm phong và lưu giữ tại Công ty. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu.

#### **Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

#### **Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;



d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp;

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng;

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Điều 18. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

### **Mục 2. Quy định riêng với từng hình thức biểu quyết tại cuộc họp**

#### **Mục 2.1. Quy định riêng với hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp**

#### **Điều 19. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**



Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, đại biểu ký xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ, sau đó Công ty cấp cho từng đại biểu một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông đó.

b) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

## **Điều 20. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

### **1. Nguyên tắc chung**

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai;

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

### **2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử**

#### **a) Thẻ biểu quyết**

- **Thẻ biểu quyết hợp lệ:** Là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho thẻ này.

- **Thẻ biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Thẻ biểu quyết hợp lệ.

#### **b) Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (*thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ*) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (*được viết tay*) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định



của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

c) Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (*thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ*) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (*được viết tay*) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

**Điều 21. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa.

- Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba (03) lần biểu quyết (*Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến*) của một vấn đề thì được xem như biểu quyết **Tán thành** vấn đề đó.

- Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết (*Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến*) của một vấn đề thì được xem như biểu quyết **Không hợp lệ**.

- Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu (*Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ*).

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết

- Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một (01) trong ba (03) phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “P” vào ô mình chọn và gửi Phiếu biểu quyết về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (*được viết tay*) của đại biểu.

- Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một (01) trong ba (03)



phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

## **Điều 22. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

### **1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Việc bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

### **2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử**

#### **a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu**

- Mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp thay đổi ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cấp lại phiếu bầu cử mới và thu lại phiếu cũ (nếu có) trước thời điểm kiểm phiếu;

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu cử được hướng dẫn cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

- Nguyên tắc trúng cử:

• Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

• Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ công ty.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

## **Điều 23. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành như sau:

- Tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết/bầu cử (theo phương thức biểu quyết) đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự vào biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Tổng hợp phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và các nội dung khác theo quy định Điều lệ Công ty.

### **Mục 2.2. Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến**

## **Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai



mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty;

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối mạng internet (*điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy vi tính, thiết bị điện tử khác có thể kết nối mạng internet...*)

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này và đã thực hiện xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

**Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (*nếu có*) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (*hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định*). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin đăng nhập được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (*nếu có*) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Khi thực hiện ủy quyền trực tuyến, cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này, trong đó cần lưu ý những quy định sau:

- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền gồm: số điện thoại, số fax, thư điện tử hoặc địa chỉ liên lạc khác theo Điều lệ. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (*nếu có*) đối với bên nhận ủy quyền;

- Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (*được viết tay*), đóng dấu (*nếu là tổ chức*) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. Giấy ủy quyền bản chính phải được gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp cổ đông chưa tham dự đại hội và đã tiến



hành ủy quyền trực tuyến thì việc ủy quyền có hiệu lực khi Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về cho đến khi bế mạc Đại hội;

- Cổ đông đã tham dự đại hội không được thực hiện ủy quyền cho người khác tham dự đại hội;

- Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp bên nhận ủy quyền đã tham dự Đại hội thì thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

## **Điều 27. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

### **1. Nguyên tắc**

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

### **2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu**

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

## **Điều 28. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

## **Điều 29. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

### **1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

- Đại biểu chọn lựa một (01) trong ba (03) phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử;

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

### **2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử trực tuyến được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại khoản 1 Điều này.

### **3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử**

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử



theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (*nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử*); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp bầu dồn phiếu, phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử hoặc các quy định khác theo hướng dẫn của Quy chế bầu cử trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Trong thời gian này, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và bảy (07) ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

### **Điều 30. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết/bầu cử đều được ghi nhận trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Căn cứ kết quả biểu quyết/bầu cử theo hình thức bỏ phiếu điện tử, Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả biểu quyết/bầu cử theo nguyên tắc sau:

- Tổng hợp phiếu biểu quyết/bầu cử (*theo phương thức biểu quyết*) đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Tổng hợp phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và các nội dung khác theo quy định Điều lệ Công ty.

### **Điều 31. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Mục 2.3. Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến**

### **Điều 32. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và Điều 24 Quy chế này.





**Điều 33. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 và Điều 26 Quy chế này.

**Điều 34. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 28 Quy chế này.

**Điều 35. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 29 Quy chế này.

**Điều 36. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 30 Quy chế này.

**Điều 37. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 31 Quy chế này.

## **II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN**

**Điều 38. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ này;
- b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- k) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- l) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến tối thiểu mười (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười ngày) ngày trước thời hạn phải



gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Phương án bầu cử (nếu có);
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến cổ đông;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử:

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (*được viết tay*), đóng dấu (*nếu là tổ chức*) của đại biểu;

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

b) Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử

\* Cung cấp tài khoản truy cập

- Thông tin tài khoản truy cập được Công ty thông báo cho đại biểu kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông qua hình thức gửi thư đảm bảo.

- Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin truy cập, Công ty có thể thông báo qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin truy cập được thực hiện dựa trên thông tin từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty.

\* Thực hiện bỏ phiếu điện tử

*Nguyên tắc thực hiện:*

- Đại biểu chỉ có thể thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử kể từ khi nhận được Phiếu lấy ý kiến cổ đông cho đến thời hạn phải gửi lại phiếu





lấy ý kiến theo thông báo của Công ty;

- Trong thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và bảy (07) ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty;

- Trong thời gian bỏ phiếu đã thông báo của Công ty, Đại biểu có thể thay đổi lại quyết định bỏ phiếu của mình trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết thúc thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu không được thay đổi kết quả bỏ phiếu của mình và kết quả cuối cùng này sẽ được Công ty kiểm phiếu và công bố thông tin.

*Cách thức thực hiện:*

- Đại biểu sử dụng tài khoản truy cập do Công ty cấp để truy cập trực tiếp vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung biểu quyết/bầu cử cần lấy ý kiến cổ đông.

c) Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử.

Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn



bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Chương III** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Mục 1. Quy định chung**

**Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ngoài việc tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

c) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;

đ) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

e. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;

i. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành;

k. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin;



1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Quy trình cung cấp thông tin theo quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

**Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

**Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

- Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

- Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng



quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

c) Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Điều lệ;

d) Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

#### **Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm công ty khác.

#### **Điều 44. Đề cử ứng cử vào Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước



khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**Điều 45. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

**Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên trước khi bỏ phiếu.



2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- c) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- d) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- đ) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

#### **Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

##### **Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.



Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị;

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

##### **Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất không triệu tập cuộc họp đầu tiên theo thời gian nêu trên thì các thành viên còn lại sẽ cử một thành viên theo nguyên tắc đa số để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý/lần và có thể họp bất thường.

##### **Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có đề nghị của Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.





Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này và chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

**Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điều 51, Điều 52 của Quy chế này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

**Điều 55. Cách thức biểu quyết**

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều 57 Quy chế này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng





quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

**Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác thì được phép trưng dụng Tổ kiểm phiếu của Công ty để lập biên bản tổng hợp ý kiến biểu quyết đối với từng vấn đề cần biểu quyết thông qua.

2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (*hơn 50%*); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

**Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

**Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Quy chế này.



2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**Điều 59. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 58 Quy chế này thì biên bản vẫn có hiệu lực.

**Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

**Mục 5. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị**

**Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị**

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

**Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty**

Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

**Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

**Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

**Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 66. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị Công ty**



1. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Tiền lương và quyền lợi khác của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

## **Chương IV BAN KIỂM SOÁT**

### **Mục 1. Quy định chung**

#### **Điều 67. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp



thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết quy định tại Phụ lục Quy chế này ty.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể quy định tại Phụ lục Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 68. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát**

##### **Điều 69. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ban kiểm soát Công ty có ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



2. Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 70. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

#### **Điều 71. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát
  - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
  - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

ng biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm



theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 72. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

**Điều 73. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại khoản 6 Điều 26 Điều lệ Công ty.

**Điều 74. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 75. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát



được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Chương V** **TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Mục 1. Quy định chung**

#### **Điều 76. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quyết định tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e) Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động, trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;

i) Đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/bỏ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quản lý cấp cao của công ty gồm: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp khác, Luật sư của công ty;





k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty.

3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

## **Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

### **Điều 77. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Am hiểu pháp luật, có trình độ đại học trở lên;
- c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp; không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ liên tục ba (03) năm liền trước đó tính đến thời điểm được bổ nhiệm hoặc của những doanh nghiệp đã bị phá sản trong thời hạn năm (05) năm liền kề trước thời điểm bổ nhiệm;
- d) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

### **Điều 78. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử, đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên Hội đồng quản trị xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

### **Điều 79. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Công ty.

### **Điều 80. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 81. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc**



Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Chương VI**

### **CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

**Điều 82. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III của Quy chế này.

**Điều 83. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 84. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

Thực hiện theo quy định tại Điều 52 Quy chế này và Điều lệ Công ty.

**Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị hàng quý và hàng năm về tình hình hoạt động và Báo cáo tài chính của Công ty.

Nội dung báo cáo bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh cho thời gian tiếp theo (*tài chính, tổ chức nhận sự, các hoạt động khác*) và đề xuất, kiến nghị xin phê duyệt của Hội đồng quản trị (*nếu có*);

2. Báo cáo tổng hợp hoặc kết luận của Tổng Giám đốc trong phiên họp giao ban hàng tháng về tình hình hoạt động, tài chính và vấn đề tổ chức hoạt động trong Công ty;

3. Ngoài ra, Tổng Giám đốc phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Việc thực hiện các báo cáo trên phải được lập thành văn bản;

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc phải trung thực chính xác, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các nội dung trong các báo cáo.

**Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

0010  
ÔNG  
CỔ P  
ÁP  
ỐC  
RÁN



**Điều 87. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

**1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (*không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc*) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải báo cáo thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

đ) Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

e) Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

g) Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

**2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (*cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận*) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (*không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc*) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý



Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động doanh của Công ty (*không bao gồm các thông tin thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty*) tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ, nhằm mục đích thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

đ) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

e) Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

### 3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a) Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b) Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm cho Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

c) Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm với Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d) Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

đ) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của Hội đồng quản trị.



**Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Thư ký và các người điều hành khác**

**Điều 88. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác;

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được...;

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị;

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

**Điều 89. Khen thưởng**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 88 của Quy chế này;

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (*phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty*) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

**Điều 90. Xử lý vi phạm về quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra;

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 91. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định;
2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc Điều lệ Công ty thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

#### **Điều 92. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm 92 điều và có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2026;
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty;
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Hòa**





# MỤC LỤC QUY CHẾ

\* \* \*

<b>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và Giải thích thuật ngữ	1
<b>Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>3</b>
<b>Mục 1. Quy định chung</b>	<b>3</b>
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
<b>Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>3</b>
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	6
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 9. Cách thức ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 13. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 14. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	10
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu	11
Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 18. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	12
<b>Mục 2. Quy định riêng với từng hình thức hình thức biểu quyết tại cuộc họp</b>	<b>12</b>
<i>Mục 2.1: Quy định riêng với hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp</i>	<i>12</i>
Điều 19. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	12
Điều 20. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	13
Điều 21. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	14
Điều 22. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	15
Điều 23. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	15
<i>Mục 2.2: Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến</i>	<i>15</i>
Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	15
Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	16
Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	16
Điều 27. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	17
Điều 28. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	17
Điều 29. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	17
Điều 30. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	18
Điều 31. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	18
<i>Mục 2.3: Quy định riêng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến</i>	<i>18</i>



Điều 32. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến .....	18
Điều 33. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến .....	19
Điều 34. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến .....	19
Điều 35. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến .....	19
Điều 36. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến .....	19
Điều 37. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến. ....	19
Điều 38. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản .....	19
Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. ....	19
<b>Chương III.....</b>	<b>22</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>22</b>
<b>Mục 1. Quy định chung.....</b>	<b>22</b>
Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị .....	22
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị .....	23
<b>Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....</b>	<b>23</b>
Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị .....	23
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị .....	24
Điều 44. Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị .....	24
Điều 45. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị .....	25
Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	26
<b>Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....</b>	<b>26</b>
Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	26
<b>Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....</b>	<b>27</b>
Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm .....	27
Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường .....	27
Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát .....	28
Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị .....	28
Điều 55. Cách thức biểu quyết .....	28
Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị .....	29
Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị .....	29
Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị .....	29
Điều 59. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	30
Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị .....	30



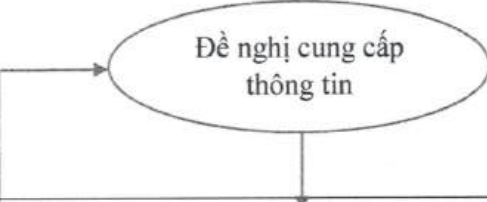
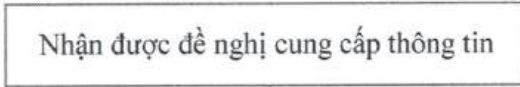
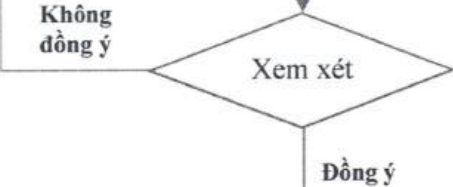

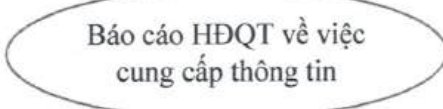
<b>Mục 5. Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....</b>	<b>30</b>
Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	30
<b>Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty .....</b>	<b>30</b>
Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty .....	30
Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty .....	30
Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.....	30
Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty .....	30
Điều 66. Quyền và nghĩa Người phụ trách quản trị Công ty.....	30
<b>Chương IV .....</b>	<b>31</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>31</b>
<b>Mục 1. Quy định chung.....</b>	<b>31</b>
Điều 67. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	31
Điều 68. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	32
<b>Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát...32</b>	<b>32</b>
Điều 69. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát....	32
Điều 70. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát.....	33
Điều 71. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	33
Điều 72. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 73. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	34
Điều 74. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	34
Điều 75. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
<b>Chương V.....</b>	<b>35</b>
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>35</b>
<b>Mục 1. Quy định chung.....</b>	<b>35</b>
Điều 76. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	35
<b>Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....</b>	<b>36</b>
Điều 77. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc.....	36
Điều 78. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc.....	36
Điều 79. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc .....	36
Điều 80. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc .....	36
Điều 81. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc .....	36
<b>Chương VI.....</b>	<b>37</b>
<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....</b>	<b>37</b>
<b>Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....</b>	<b>37</b>
Điều 82. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc .....	37
Điều 83. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc .....	37
Điều 84. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị .....	37
Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao .....	37



Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc .....	37
Điều 87. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.....	38
Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Thư ký và các người điều hành khác .....	40
Điều 88. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ .....	40
Điều 89. Khen thưởng .....	40
Điều 90. Xử lý vi phạm về quản trị Công ty .....	40
<b>Chương VII .....</b>	<b>41</b>
<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>41</b>
Điều 91. Bổ sung, sửa đổi Quy chế .....	41
Điều 92. Ngày hiệu lực.....	41
<b>MỤC LỤC QUY CHẾ * * * .....</b>	<b>42</b>



## QUY TRÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN

Thứ tự thực hiện	Lưu đồ	Người thực hiện	Hướng dẫn/ Mẫu biểu
Bước 1		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông<sup>(1)</sup></li> <li>- Ban kiểm soát<sup>(2)</sup></li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị<sup>(3)</sup></li> <li>- Thành viên Ban kiểm soát<sup>(4)</sup></li> <li>- Người điều hành<sup>(5)</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị cung cấp thông tin bằng văn bản (<b>Mẫu 01</b>).</li> <li>- Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin phải kèm theo bản gốc hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền theo đúng quy định Pháp luật.</li> </ul>
Bước 2		Công ty	
Bước 3		Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian xem xét tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị cung cấp thông tin.</li> <li>- Thời gian phản hồi không đồng ý đề nghị cung cấp thông tin tối đa 02 ngày làm việc kể từ khi HĐQT quyết định từ chối cung cấp thông tin.</li> </ul>
Bước 4		Người quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian người quản lý cung cấp thông tin sẽ được nêu cụ thể tại văn bản phản hồi của HĐQT.</li> <li>- Cung cấp thông tin tại trụ sở chính/ văn phòng đại diện/ chi nhánh Công ty.</li> <li>- Chi phí phát sinh do sao y hồ sơ (nếu có) từ việc cung cấp thông tin sẽ do người đề nghị cung cấp thông tin chi trả.</li> </ul>
Bước 5		Người quản lý	

(1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: theo quy định tại Điều 12, Điều 45 Điều lệ Công ty.

(2) Ban kiểm soát: theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

(3), (4), (5) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành: theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.



## VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

### I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

1. Người đề nghị: .....

Người đại diện theo pháp luật (Đối với cổ đông tổ chức): .....

2. Đối tượng đề nghị cung cấp thông tin:

☐ Cổ đông/nhóm cổ đông

☐ Ban kiểm soát

☐ Thành viên Hội đồng quản trị

☐ Thành viên Ban kiểm soát

☐ Người điều hành

3. Địa chỉ liên lạc/Trụ sở chính: .....

4. Quốc tịch: .....

5. Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/CNĐKDN: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

6. Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

7. Số lượng cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu: ..... cổ phiếu, tại ngày .....

### II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

Mục đích đề nghị cung cấp thông tin: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bằng văn bản này, Tôi/Chúng tôi đề nghị Công ty cung cấp thông tin sau: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi/Chúng tôi cam kết các nội dung sau đây:



- Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
- Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện đúng mục đích cho công việc được giao/bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;
- Không phát tán hoặc sao chép, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định pháp luật;
- Chi trả đầy đủ các chi phí phát sinh do sao y hồ sơ (nếu có) từ việc cung cấp thông tin này;
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp sử dụng thông tin sai mục đích.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày ... ..tháng ... ..năm 2026

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: theo quy định tại Điều 12, Điều 45 Điều lệ Công ty.

(2) Ban kiểm soát: theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

(3), (4), (5) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành: theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.



**BIÊN BẢN HỌP NHÓM**  
**ĐÍNH KÈM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN**

Hôm nay, ngày ...../...../20...., tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, cùng nhau nắm giữ .....cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên cổ đông	CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông/ Chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
...					
Tổng cộng					

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

- Họ và Tên:

- Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/CNĐKDN:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề nghị cung cấp thông tin tại Công ty Cổ phần ....., nội dung cụ thể như sau:**

Mục đích đề nghị cung cấp thông tin: .....

.....  
.....

Bằng văn bản này, Chúng tôi đề nghị Công ty cung cấp thông tin sau:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Chúng cam kết các nội dung sau đây:

- Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
- Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;
- Không phát tán hoặc sao chép, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định pháp luật;
- Chi trả đầy đủ các chi phí phát sinh do sao y hồ sơ (nếu có) từ việc cung cấp thông tin này;
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp sử dụng thông tin sai mục đích.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày .....tháng .....năm 2026  
**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ ĐẠI DIỆN NHÓM**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)